

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2025/DS-ST
Ngày 24-6-2025
Vụ tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thành Nghĩa
- Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C1; địa chỉ: Số A, Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: A T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C1 và Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 3 năm 2025 của ông Nguyễn Hoàng Nhất N – Giám đốc Phòng giao dịch huyện C1); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hải C, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T1 thực hiện vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 02 khoản vay, cụ thể:

Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 12/12/2013 thì ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T1 đề nghị Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 cho vay số tiền 30.000.000 đồng, để chăn nuôi bò sinh sản theo Chương trình cho vay hộ cận nghèo. Sau khi có kết quả phê duyệt, ngày 27/02/2014 ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T1 được Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 giải ngân cho vay số tiền 30.000.000 đồng; lãi suất cho vay 0,78%/tháng; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/02/2017, sau 3 lần được gia hạn nợ, ngày 27/5/2018 món vay đã chuyển sang trạng thái nợ quá hạn. Đến ngày 10/3/2025 ông C đã trả nợ gốc số tiền 13.250.000 đồng và đã trả tiền lãi 9.808.652 đồng cho Phòng C1 huyện. Như vậy, tính đến hết ngày 24/6/2025 ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T1 còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện số tiền tổng cộng là 31.857.101 đồng, trong đó nợ gốc 16.750.000 đồng và nợ lãi là 15.107.101 đồng.

Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 20/02/2017 thì ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T1 đề nghị Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 cho vay số tiền 12.000.000 đồng, để xây nhà vệ sinh và bắt nước sạch, theo Chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Sau khi có kết quả phê duyệt, ngày 27/2/2017 ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T1 được Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 giải ngân cho vay số tiền 12.000.000 đồng; lãi suất cho vay 0,75%/tháng; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/02/2022. Đến ngày 10/3/2025 ông Nguyễn Hải C chưa trả nợ gốc và đã trả tiền lãi 936.223 đồng cho Phòng C1 huyện. Như vậy, tính đến hết ngày 24/6/2025 ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T1 còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 số tiền tổng cộng là: 20.309.486 đồng, trong đó nợ gốc 12.000.000 đồng và nợ lãi là 8.309.486 đồng.

Tổng cộng 2 khoản vay, đến hết ngày 24/6/2025 ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T2 còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 số tiền là 52.166.587 đồng, trong đó nợ gốc 28.750.000 đồng và nợ lãi là 23.416.587 đồng.

Trong thời gian vay tiền ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T1 không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc, trả lãi vay. Phòng giao dịch Ngân hàng C1 phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, các tổ chức chính trị-xã hội xã, Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn vận động nhiều lần nhưng không trả, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như cam kết.

Do đó, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1, đề nghị Toà án nhân dân huyện Tuy Phước buộc ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T1 phải hoàn trả hết khoản nợ nói trên và tiền lãi phát sinh mới được tính theo quy định cho Phòng C1 xã hội huyện.

Theo bản tự khai ngày 30 tháng 5 năm 2025, bị đơn ông Nguyễn Hải C trình bày: Ông và bà Trần Thị T1 đã ly hôn. Ngân hàng C1 khởi kiện yêu cầu ông trả nợ, ông đồng ý trả nhưng xin trả nợ dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng C1 yêu cầu ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T1 trả nợ vay là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông C cư trú tại thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hải C có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Trần Thị T1 vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà T1.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng C1, Hội đồng xét xử nhận định: Mặc dù tại bản tự khai, ông C không trình bày về việc ông vay của Phòng C1 huyện T những khoản vay nào nhưng ông thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân, ông có vay tiền tại Phòng giao dịch. Ông xác nhận số nợ đến ngày 10/3/2025 là 51.280.116 đồng, đúng như số nợ tại đơn khởi kiện mà Ngân hàng yêu cầu. Như vậy, việc ông C, bà T1 vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng C1 huyện T là có thật, phù hợp với Giấy đề nghị vay vốn ngày 12/12/2013 và Giấy đề nghị vay vốn ngày 20/02/2017 mà Ngân hàng cung cấp.

[4] Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 12/12/2013, ông Nguyễn Hải C được bà Trần Thị T1 ủy quyền vay số tiền 30.000.000 đồng, để chăn nuôi bò sinh sản. Ngày 27/02/2014 ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T1 được Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 giải ngân cho vay số tiền 30.000.000 đồng; lãi suất cho vay 0,78%/tháng; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Khoản vay này, ông C đã trả nợ gốc số tiền 13.250.000 đồng và đã trả tiền lãi 9.808.652 đồng. Như vậy, tính đến hết ngày 24/6/2025 ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T1 còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện số tiền tổng cộng là 31.857.101 đồng, trong đó nợ gốc 16.750.000 đồng và nợ lãi là 15.107.101 đồng.

[5] Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 20/02/2017 ông Nguyễn Hải C được bà Trần Thị T1 ủy quyền vay số tiền 12.000.000 đồng, để xây nhà vệ sinh và bắt nước sạch. Ngày 27/2/2017 ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T1 được Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 giải ngân cho vay số tiền 12.000.000 đồng; lãi suất cho vay 0,75%/tháng; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Khoản vay này, ông C, bà T1 chưa trả nợ gốc và đã trả tiền lãi 936.223 đồng. Như vậy, tính đến hết ngày 24/6/2025 ông Nguyễn Hải C và bà Trần Thị T1 còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 số tiền tổng cộng là 20.309.486 đồng, trong đó nợ gốc 12.000.000 đồng và nợ lãi là 8.309.486 đồng.

[6] Xét yêu cầu trả nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện

T, Hội đồng xét xử thấy rằng, ông C, bà T1 vay nợ trong thời kỳ hôn nhân. Ông bà đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước. Khi ly hôn, hai khoản vay này chưa được giải quyết. Do ông C, bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ theo quy định tại các Điều 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông C, bà T1 phải liên đới trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi nêu trên, trong đó chia phần mỗi người trả $\frac{1}{2}$ là 26.083.293 đồng. Ngoài ra, ông C, bà T1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi hết nợ.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông C, bà T1 mỗi người phải chịu là 26.083.293 đồng x 5% = 1.304.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng C1 được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 288, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Hải C, bà Trần Thị T1 liên đới trả cho Ngân hàng C1 tổng số tiền 52.166.587 đồng, chia phần ông C trả 26.083.293 đồng và bà T1 phải trả 26.083.293 đồng, trong đó:

Nợ gốc theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 12/12/2013 là 16.750.000 đồng, nợ lãi 15.107.101 đồng, tổng cộng là 31.857.101 đồng. Chia phần ông C, bà T1 mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi.

Nợ gốc theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 20/02/2017 là 12.000.000 đồng, nợ lãi là 8.309.486 đồng, tổng cộng là 20.309.486 đồng. Chia phần ông C, bà T1 mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi.

Kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của từng khoản vay theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 12/12/2013 và Giấy đề nghị vay vốn ngày 20/02/2017 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hải C phải chịu 1.304.000 (một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị T1 phải chịu 1.304.000 (một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày

tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Tuy Phước;
- CCTHADS H. Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Hậu